

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 268/PLXTV-QLKT ngày 08 tháng 05 năm 2024 của Công ty Xăng dầu Trà Vinh về việc đề nghị kiểm tra, cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Kho xăng dầu Trà Vinh”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 280/TTr-STNMT ngày 04 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Xăng dầu Trà Vinh, địa chỉ số 24, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Kho xăng dầu Trà Vinh” tại ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Kho xăng dầu Trà Vinh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2100109332 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần thứ 9, ngày 10 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 2100109332.

1.5. Loại hình cơ sở: Kho trung chuyển xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất 4.135,7 m² tại ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Tổng công suất chứa 2.000 m³, gồm:

STT	Sản phẩm	Số lượng bể chứa	Tổng dung tích chứa (m ³)
1	Xăng E5 RON92	1 bể 500 m ³	500
2	Xăng RON95	1 bể 500 m ³	500
3	Dầu DO 0,05S	1 bể 500 m ³	500
4	Dầu DO 0,001S	1 bể 500 m ³	500
	Tổng	4 bể	2.000

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Xăng dầu Trà Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Xăng dầu Trà Vinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 12 tháng 6 năm 2024 đến ngày 12 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Xăng dầu Trà Vinh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- UBND TPTV;
- LĐVP;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- UBND Phường 4, TPTV.
- Lưu: VT, NN *Phong* 05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **11** /GPMT-UBND
ngày **12** tháng **6** năm **2024** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Có 02 nguồn phát sinh nước thải gồm:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải nhiễm dầu.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng số 01 (Nước thải nhiễm dầu): Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, thải ra sông Long Bình bằng cống bê tông đường kính 250 mm.

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Long Bình (tại ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

b) Vị trí xả nước thải: Tại miệng cống bê tông thải ra sông Long Bình. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1101295; Y=592964.

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $13 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $3,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

d) Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy ra sông Long Bình, xả mặt hoặc xả ngầm theo chế độ thủy triều sông Long Bình, xả thải ven bờ.

đ) Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

e) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo QCVN 29:2010/BTNMT, cột B (Kho) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

TT	Thông số	ĐVT	Giá trị tối đa, cột B (Kho)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH		5,5-9	6 tháng/lần
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
3	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	mg/L	100	
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	15	

2.2. Nguồn số 02 (Nước thải sinh hoạt): Dòng nước thải sau xử lý hàm tự hoại thải vào hố ga cống thoát nước trên đường Chu Văn An bằng ống PVC đường kính 90mm.

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước trên đường Chu Văn An tại ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

b) Vị trí xả nước thải: Hồ ga tại đường Chu Văn An, ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1101212; Y=592896.

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $0,52 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

d) Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo ống dẫn có đường kính 90 mm vào hồ ga công thoát nước đường Chu Văn An.

đ) Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

e) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	ĐVT	Giá trị tối đa Cột B, K=1,2
1	pH		5-9
2	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/L	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ khu vực nền bãi xuất hàng, khu bể chứa, nhà bơm dầu được thu gom bằng rãnh về hồ ga bố trí xung quanh công trình, dẫn nước thải về hệ thống bể xử lý nước thải nhiễm dầu bằng công $\Phi 250\text{mm}$ để xử lý và sau đó thoát ra sông Long Bình bằng công $\Phi 250 \text{ mm}$.

Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hầm tự hoại, sau đó được đầu nổi thoát ra công thoát nước trên đường Chu Văn An theo Giấy phép số 367/GP-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng 01 hệ thống bể xử lý nước thải nhiễm dầu có quy trình như sau: Nước thải nhiễm dầu → 02 Ngăn lắng gạn thứ 1 (1,0×1,5×2,4 m) → 02 Ngăn lắng gạn thứ 2 (2,7×1,5×2,4 m) → 01 Ngăn thứ 3 (2,5×3,2×2,4 m) → 01 ngăn chứa nước sau xử lý (0,8×0,8×2,1 m) → sông Long Bình (đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột B (Kho)).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thường xuyên kiểm tra, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, Công ty phải thu gom, lưu trữ lượng nước thải bằng thiết bị phù hợp, đủ lưu lượng trong thời gian sửa chữa, khắc phục.

Thực hiện đầy đủ các hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo nội dung phần A phụ lục này kèm theo Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 11 /GPMT-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở:

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
18 01 03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Đ, ĐS	Rắn	KS	6,0
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS	24,0
19 07 01	Chất thải lẫn dầu	Đ, ĐS, C	Rắn/Lỏng	KS	400,0
	Tổng cộng				430,0

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Không.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 6,0 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa (loại dung tích 60 lít) để lưu giữ chất thải nguy hại, thùng chứa có dán nhãn và từng mã chất thải nguy hại đúng quy định.

b) Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải diện tích là $1,2 \times 1,8 = 2,16 \text{ m}^2$. Kho chứa có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại. Định kỳ hàng năm, Công ty ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng nhựa để chứa rác thải sinh hoạt và chuyên giao cho các đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như: Phòng, chống cháy nổ, ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố điện, sự cố hệ thống xử lý nước thải đảm bảo an toàn lao động. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.